

Bản án số: 25/2025/HNGĐ- ST
Ngày 26 tháng 5 năm 2025
“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Thu, ông Phạm Mạnh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu H** - sinh năm 1976

Trú tại: Khu 5, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Minh T1** - sinh năm 1970

Trú tại: Khu 5, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T1 đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày: Chị và anh Hoàng Minh T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 29/12/2020 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn, chị về sống cùng anh T1 tại nhà của anh T1. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh T1 hay ghen tuông vô cớ, mắng chửi chị, có lần còn đánh chị thâm tím mặt mũi. Vì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tháng 10/2024 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị và anh T1 ly thân từ đó đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị và anh T1 được ly hôn vì vợ chồng không thể hòa hợp trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung, về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Hoàng Minh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã nhận thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không lần nào đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa được. Tòa án đã phối hợp với Trưởng khu dân cư và đại diện chính quyền địa phương nơi anh T1 cư trú tới nhà anh Tân để thu thập lời khai của anh T1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2025, anh T1 trình bày: Anh và chị Lê Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/12/2010 tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu 5 xã K. Quá trình chung sống thì thoảng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ khoảng tháng 10/2024 đến nay anh và chị H đã sống ly thân. Nay chị H làm đơn đến Tòa án xin ly hôn, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn với chị H.

* Xác minh tại địa phương nơi chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1 cư trú, Trưởng khu 5, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ và đại diện chính quyền địa phương xã K cung cấp như sau:

Anh Hoàng Minh T1 sinh năm 1970, là công dân thuộc khu 5 xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Ngày 29/12/2020 anh T1 đăng ký kết hôn với chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1976 tại UBND xã K. Địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa anh T1 và chị H trong trình chung sống tại địa phương. Khoảng tháng 10 năm 2024, khu dân cư không thấy chị H ở địa phương, anh T1 và chị H đã không chung sống từ đó đến nay. Anh T1 và chị H không có con chung. Nay chị H làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn anh T1, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1 xác nhận không có, nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Thu H nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm của vụ án là 150.000 đồng. Hoàn trả lại cho chị H 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Lê Thị Thu H có đơn xin ly hôn anh Hoàng Minh T1. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Hoàng Minh T1 đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T1 theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là UBND dân xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 29/12/2020, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T1 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hoà hợp, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Tháng 10/2024 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện S, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét mâu thuẫn giữa anh T1 và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H đề nghị được ly hôn, anh T1 cũng đồng ý ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[3]. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1 xác nhận không có, nên không phải giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H nhận nộp toàn bộ tiền án phí mà hai bên phải chịu là 150.000 đồng. Đề nghị của chị H là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1.

2. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Lê Thị Thu H và anh Hoàng Minh T1 xác nhận không có, nên không phải giải quyết.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0001003, ngày 25/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị H được hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Minh Hòa